TOÀ ÁN ND HUYỆN LẠNG GIANG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **53**/2017/ HNGĐ-ST
Ngày 25 /08/2017
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Thanh Xuân , ông Giáp Đức Sơn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Vũ Thị Thanh Huyền - Cán bộ toà án nhân dân huyện Lạng Giang.

Trong ngày 25/08/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 258/2017/HNGĐ ngày 24 tháng 07 năm 2017 về việc tranh chấp hôn nhân gia đình; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2017/QĐST-HNGĐ ngày 10/08/2017 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

Bị đơn Nguyễn Ngọc H (tên thường gọi là Tr), sinh năm 1990;
Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Giang. (Có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn Trần Thị Thanh T trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc H có đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2012 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới vợ chồng có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ anh H. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng có mâu thuẫn vào năm 2015. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H thường đi làm ăn xa, không quan tâm đến gia đình và chị, vợ chồng lâu không có con, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Hiện nay vợ chồng không còn tình cảm giành cho nhau. Nay chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai anh Nguyễn Ngọc H (tên thường gọi là Tr) có ý kiến: Anh và chị Trần Thị Thanh T có đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2012 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Bắc Giang, trước khi cưới vợ chồng được tự do tìm hiểu và tự

nguyện kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh hay đi làm ăn xa, không có thời gian quan tâm đến vợ, vợ chồng thường xuyên sống ly thân. Nay chị T xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Ngọc H (tên thường gọi là Tr) có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do anh H vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa hôm nay anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt anh H .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa. Sau khi thảo luận, nghị án Hội đồng xét xử xét thấy:

Đơn khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T cùng các tài liệu nộp kèm theo đơn là hợp lệ, đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình. Anh H có hộ khẩu tại xã T. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C.

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Anh H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điều 227 và điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T và anh Nguyễn Ngọc H có đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2012 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Bắc Giang. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp.

Về tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Lời khai của chị T và anh H đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ lâu, trong quá trình giải quyết tại Tòa án chị T và anh H đều đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy rằng, trong thời gian sống chung vợ chồng không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ mọi việc, không giữ gìn, bảo vệ hạnh phúc gia đình, mâu thuẫn trầm trọng dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay, việc này trái với các quy định tại các điều 19, 21 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Từ

những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về căn cứ cho ly hôn thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần cho chị T được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H .

3. Án phí: Chị Trần Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0002458 ngày 24/07/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị T có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- THADS huyện Lạng Giang;
- UBND xã T
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Hà